

Trương Thái Du

Triệu Đà và nước Nam Việt trong dòng chảy lịch sử Việt Nam

Bài viết này được khai bút theo đề nghị của Giáo sư trợ giảng Hàn Hiếu Vinh (Xiaorong Han, Khoa Lịch sử và Nhân loại học, Đại học Butler – Hoa Kỳ). Hy vọng đây sẽ là đóng góp nhỏ vào nỗ lực mà ông Hàn đang ôm ấp cùng một số đồng nghiệp tại Trung Hoa lục địa: Hóa giải những mâu thuẫn lịch sử quốc gia giữa Việt Nam và Trung Hoa trên cùng một chủ đề nước Nam Việt thời Tây Hán.

Tuy vậy, góc nhìn ở đây sẽ bị ràng buộc bởi khuôn khổ những giả thuyết tổng thể về cổ sử Việt Nam trong "Một cách tiếp cận những vấn đề cổ sử Việt Nam" mà tác giả đã từng giới thiệu trên báo điện tử talawas và hiện lưu trữ tại kho sách vnthuquan.net.

Qua đây, tôi cũng xin thay mặt ông Hàn gửi lời mời trân trọng đến các cây bút chuyên nghiệp hơn góp thêm tiếng nói, hầu đa dạng và phong phú hóa các quan điểm Việt Nam về Nhà Triệu và nước Nam Việt.

1. Những mô tả về nước Nam Việt của hiến sử Việt Nam trước năm 1400

Quyển sử đầu tiên của Việt Nam còn bảo tồn được đến hôm nay là *An Nam chí lược* của Lê Tắc (viết năm 1335). Ở tập Đệ nhất, Lê Tắc xếp nhà Triệu là khởi triều, nếu không kể một ít nguồn gốc Giao Chỉ - Việt Thường dựa vào tích "Giao Chỉ chi nam hữu Việt Thường quốc" được nhiều sách đời sau dẫn từ *Thượng thư Đại truyện*. Song có một phần sự kiện liên quan được kê cứu như cổ tích.

Nhà Tần (246 207 trước công nguyên TCN) lấy Giao Chỉ làm Tượng Quận; đến khi nhà Tần loạn thì Đô úy quận Nam Hải là Triệu Đà nổi binh đánh lấy hết các quận quốc, rồi tự lập làm vua. Khi ấy, Hán Cao Tổ sai Lục Giả qua lập Đà làm Việt Vương. Sau khi Cao Tổ băng, Cao Hậu cấm Nam Việt mua đồ sắt của Trung Quốc, Đà tiếm hiệu xưng đế, rồi phát quân đi đánh Trường Sa. Văn đế lại sai người đưa thư qua trách Đà. Đà có ý sợ, bèn bỏ hiệu đế, nguyện làm tôi và cống hiến phẩm vật.

Năm Kiến Nguyên thứ 3, (vua Võ Đế, 142 TCN) Đà mất, con cháu họ Triệu truyền xuống bốn đời, kế được hơn chín mươi năm.

Võ Đế sai Chung Quân đi sứ qua Nam Việt để dụ vua Việt tên là Hưng vào châu, Hưng muốn đi, nhưng bị tướng Lữ Gia can ngăn, vua không nghe, Gia làm phản, nổi binh đánh giết vua và cả sứ giả nhà Hán, lập Kiến Đức là anh khác mẹ lên làm vua Nam Việt.

Năm Nguyên Định thứ 5 (112 TCN), Vệ úy là Lộ Bác Đức xuất mười vạn quân qua đánh Nam Việt, năm thứ sáu, mới đánh bại người Việt, lấy đất đó chia làm các quận: Nam Hải, Thương Ngô, Uất Lâm, Hợp Phố, Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam, Châu Nhai và Đam Nhĩ, mỗi quận đặt Thái thú để cai trị.

Phần "Cổ tích"

Việt Vương Thành, tục gọi là thành Khả Lữ, có một cái ao cổ, Quốc vương mỗi năm lấy ngọc châu, dùng nước ao ấy rửa thì sắc ngọc tươi đẹp. Giao Châu ngoại vực ký chép: hồi xưa, chưa có quận huyện, thì Lạc điền tùy theo Thủy triều lên xuống mà cày cấy. Người cày ruộng ấy gọi là Lạc dân, người cai quản dân gọi là Lạc vương, người phó là Lạc tướng, đều có ấn bằng đồng và dải sắc xanh làm huy hiệu.

Vua nước Thục, thường sai con đem ba vạn binh, đi chinh phục các Lạc tướng, nhân đó cử giữ đất Lạc mà tự xưng là An Dương Vương. Triệu Đà cử binh sang đánh. Lúc ấy có một vị thần tên là Cao Thông xuống giúp An Dương Vương, làm ra cái nỏ thần, bắn một phát giết được muôn người.

Triệu Đà biết địch không lại với An Dương Vương, nhân đó trú lại huyện Võ Ninh, khiến Thái tử Thủy làm chức trá hàng để tính kế về sau.

Lúc Cáo Thông đi, nói với vua An Dương Vương rằng: "Để giữ được cái nỏ của ta, thì còn nước, không giữ được thì mất nước".

An Dương Vương có con gái tên là My Châu, thấy Thái tử Thủy lấy làm đẹp lòng, rồi hai người lấy nhau. My Châu lấy cái nỏ thần cho Thái tử Thủy xem, Thủy xem rồi lấy trộm cái lấy nỏ mà đổi đi. Về sau Triệu Đà kéo quân tới đánh thì An Dương Vương bại trận, cầm cái sừng tê vệt được nước vào biển đi trốn, nên Triệu Đà chiếm cả đất của An Dương Vương. Nay ở huyện Bình Địa, dấu tích cung điện và thành trì của An Dương Vương hãy còn.

Đại Việt sử ký (Lê Văn Hưu – 1272)

Năm 1272 Lê Văn Hưu viết xong bộ *Đại Việt sử ký* gồm 30 quyển. Hiện nay sách này đã thất truyền. Theo Trần Trọng Kim, quyển sử ấy chép việc từ Triệu Vũ Vương đến Lý Chiêu Hoàng.

Đại Việt sử lược (Khuyết danh - năm 1388)

Sách này đầu tiên kể đến Hoàng Đế, một vị vua truyền thuyết của Trung Hoa không thể đưa quyền lực đến được Giao Chỉ xa xôi. Qua đời Trang Vương (696–682 TCN) thì vua Hùng xuất hiện. Phần truyền thuyết về họ Triệu trong An Nam chí lược đã được biên tập bớt hoang đường.

Cuối đời nhà Chu, Hùng Vương bị con vua Thục là Phán đánh đuổi rồi lên thay.

Phán đắp thành ở Việt Thường, lấy hiệu là An Dương Vương rồi không cùng với họ Chu thông hiếu nữa.

Cuối đời nhà Tần, Triệu Đà chiếm cứ Uất Lâm, Nam Hải, Tượng quận rồi xưng vương đóng đô ở Phiên Ngung, đặt quốc hiệu là Việt, tự xưng là Võ Vương.

Lúc bấy giờ An Dương Vương có thần nhân là Cao Lỗ chế tạo được cái nỏ liểu bắn một phát ra mười mũi tên, dạy quân lính muôn người.

Võ Hoàng biết vậy bèn sai con là Thủy xin sang làm con tin để thông hiếu.

Sau nhà vua đãi Cao Lỗ hơi bạc bèo.

Cao Lỗ bỏ đi, con gái vua là My Châu lại cùng với Thủy tư thông. Thủy phỉnh My Châu mong được xem cái nỏ thần, nhân đó phá hư cái lẫy nỏ rồi sai người trình báo với Võ Hoàng. Võ Hoàng lại cất binh sang đánh. Quân kéo đến, vua An Dương Vương lại như xưa là dùng nỏ thần thì nỏ đã hư gãy, quân lính đều tan rã. Võ Hoàng nhân đó mà đánh phá, nhà vua ngậm cái sừng tê đi xuống nước. Mặt nước cũng vì ngài mà rẽ ra.

Đất nước vì thế mà thuộc nhà Triệu.

Câu cuối cùng trong phần trích trên là lí do căn bản để *Đại Việt sử lược* xếp nhà Triệu là một triều đại Việt Nam, kéo dài 93 năm với các đời vua: Triệu Vũ Đế, Triệu Văn Vương, Triệu Minh Vương, Triệu Ai Vương, Triệu Vệ Dương Vương.

Cái nhìn của hiến sử Việt Nam với nhà Triệu và nước Nam Việt phải đặt trong toàn cảnh lịch sử chính trị xã hội Việt Nam cùng thời. Dưới lăng kính tiến hóa chính trị và vận động xã hội mới nêu bật được những mâu thuẫn nội tại của sử sách Việt Nam và con người Việt Nam trên cùng một dữ liệu lịch sử.

Học giả người Nhật, Yumio Sakurai, qua nghiên cứu cách định cư và nông nghiệp thời Lý đã lập luận nhà Lý là một triều đại địa phương; nhiều thế lực địa phương khác đến thế kỉ 13 mới bị nhà Trần trấn

áp hoàn toàn ^[1]. Đây phải chăng là tàn tích của nạn “sứ quân” từ thế kỉ 10. Tuy vậy, tác giả bài này không tin rằng thế kỉ 13 mô hình nhà nước phân quyền kia đã được thay bằng công thức phong kiến tập quyền tuyệt đối. Bằng chứng nằm tại “Hịch tướng sĩ” năm 1284 của Trần Hưng Đạo. Mặc dù là “Tiết chế” thống lĩnh toàn quân, lời văn của Trần Hưng Đạo trong “Hịch tướng sĩ” mang phong thái khuyến dụ hơn là quân lệnh bắt buộc phải tuân theo. Như vậy tại đỉnh cao đoàn kết chống ngoại xâm, ở thời thịnh trị nhất của nhà Trần, dấu vết phân quyền chưa phai nhạt thì không có lẽ nào đến khi Trần mất hình thức ấy có nhiều thay đổi.

Niên đại 1388 của *Đại Việt sử lược* là thời kì Trần mất. Lúc này một nhân vật lịch sử còn nhiều tranh cãi sắp bước lên vũ đài chính trị Việt Nam là Hồ Quý Ly. Các chính sách cai trị của họ Hồ một lần nữa khẳng định quyết tâm tập quyền của ông:

1. Làm tiền giấy, cải cách thuế má, thống nhất tài chính.
2. Định phục phẩm quan lại, cải tổ địa giới hành chính như đổi một vài lộ làm trấn, đặt thêm quan chức ở lộ, phủ, qui ước các lộ ghi chép sổ sách và đem về kinh báo cáo mỗi cuối năm.
3. Cải cách giáo dục, thi cử, đưa toán pháp vào quá trình chọn người tài v.v..

Với nhà nước phong kiến phân quyền, tính chính thống của kẻ mạnh nhất đặt trên cơ sở cầu phong phương Bắc. Tệ phân quyền ấy là căn nguyên của những hành động mà sau này sử sách Việt Nam gọi là “phản quốc”: từ thời Trần qua đến đầu thời Lê, nhiều lần quý tộc Việt Nam sang Trung Hoa “rước giặc” về để mong thiết lập vương triều cho chi họ mình. Đến thời Hồ Quý Ly, việc nhập khẩu Nho giáo vào Việt Nam đã hạ bệ tính chính thống kia và cố gắng chuyển việc cầu phong thành quan hệ ngoại giao, tuy chưa được bình đẳng nhưng cũng nói lên sự trưởng thành to lớn của đất nước Việt Nam.

Chính Hồ Quý Ly, chứ không ai khác đã đặt nền móng cho việc nhìn nhận lại nước Nam Việt và dòng họ Triệu trong dòng chảy lịch sử Việt Nam.

2. Các quan điểm sau năm 1400

Ở *Đại Việt sử ký toàn thư* (Ngô Sĩ Liên, dưới triều Lê Thánh Tông 1460 đến 1497), lần đầu tiên sử sách Việt Nam truy nguyên gốc tích của mình từ kỷ Hồng Bàng với Kinh Dương Vương, Lạc Long Quân rồi mới đến Hùng Vương, An Dương Vương và Triệu Vũ Vương...

Lê Thánh Tông là ông vua đã rút ra được bài học nóng vội của Hồ Quý Ly, để áp dụng thành công đường lối chính trị Nho Giáo Trung Hoa vào đất nước Việt Nam. Nhu cầu “chính danh” đã đưa rất nhiều huyền thoại, cổ tích trong dân gian thành chính sử. Ngô Sĩ Liên được thay mặt trí thức Việt Nam đương thời trả lời câu hỏi “Ta là ai? Từ đâu tới?” cho dân tộc Việt Nam. Những quyển sử cũ chỉ được thêm vào chứ không bớt đi hoặc tách ra, và họ Triệu được để yên cho đến khi xuất hiện *Việt sử tiếu án* của Ngô Thì Sĩ năm 1775:

Xét sử cũ: An Dương Vương mất nước, để quốc thống về họ Triệu, chép to 4 chữ: “Triệu kỷ Vũ đế”. Người đời theo sau đó không biết là việc không phải. Than ôi! Đất Việt Nam Hải, Quế Lâm không phải là Đất Việt Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam. Triệu Đà khởi ở Long Xuyên, lập quốc ở Phiên Ngung, muốn cắt đứt bờ cõi, gộp cả nước ta vào làm thuộc quận, đặt ra giám chủ để cơ mi lấy dân, chứ chưa từng đến ở nước ta. Nếu coi là đã làm vua nước Việt, mà đến ở cai trị nước ta, thì sau đó có Lâm Sĩ Hoảng khởi ở đất Bàn Dương, Hưu Nghiễm khởi ở Quảng Châu, đều xưng là Nam Việt Vương, cũng cho theo Quốc kỷ được ư? Triệu Đà kiêm tính Giao Châu, cũng như Ngụy kiêm tính nước Thục, nếu sử nước Thục có thể đưa Ngụy tiếp theo Lưu Thiện, thì quốc sử ta cũng có thể đưa Triệu tiếp theo An Dương. Không thế, thì xin theo lệ ngoại thuộc để phân biệt với nội thuộc vậy.

Với lý do này, Ngô Thì Sĩ đã loại họ Triệu khỏi chính sử Việt Nam. Ông gộp năm đời Triệu Vương thành một kỷ Ngoại thuộc, tương đương với các kỷ ngoại thuộc Hán, Tùy, Đường sau đó. Thực ra lí luận của Ngô Thì Sĩ mang tính nhất thời, trong cái nhìn địa phương hãn hữu. Ông phân biệt rạch ròi

“*Than ôi! Đất Việt Nam Hải, Quế Lâm không phải là Đất Việt Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam*”, nghĩa là Việt Nam ngày nay chẳng dính dáng gì đến cương vực bao la của Nam Việt khi xưa.

Vì không cùng quan điểm với họ Ngô nên Tự Đức vẫn cho Quốc sử quán ghi danh các vua Triệu như là tiền triều trong *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (giữa Thế kỷ 19). Hơn nữa lời phê của ông sau khi nhà Hán diệt nhà Triệu là câu trả lời dứt khoát: ngày xưa bờ cõi của tổ tiên ông bao gồm nhiều quận trong Giao Chỉ bộ!

Lời phê: *Xét chung từ trước đến sau, đất đai của nước Việt ta bị mất về Trung Quốc đã đến quá một nửa, tiếc rằng vua sáng tôi hiền các triều đại cũng nhiều người lỗi lạc hiếm có ở trên đời, mà vẫn không thể nào lấy lại được một tấc, đó là việc đáng ân hận lắm! Thế mới biết việc thu hồi đất đai đã mất, từ đời trước đã là việc khó, chứ không những ngày nay mà thôi. Thật đáng thương tiếc.*

Sau khi Việt Nam thoát khỏi ách nô lệ thực dân năm 1945, nền sử học cộng sản non trẻ áp dụng ngay phép biện chứng duy vật lịch sử vào môn lịch sử. Tình cờ nhãn quan của Ngô Thì Sĩ rất hợp với quyết tâm xây dựng nền móng bản địa cho lịch sử Việt Nam, cộng với chủ nghĩa dân tộc dâng cao, vấn đề Nam Việt và Triệu Đà giờ đây có thể tóm gọn trong một đoạn văn của Đào Duy Anh:

Nhà Triệu không phải là quốc triều

Sách Toàn thư, sau khi nêu lên quốc thống của ta bắt đầu từ Hồng Bàng Thị, đến Kinh Dương Vương, Lạc Long Quân, mười tám đời Hùng Vương, rồi đến Thục An Dương Vương, thì chép luôn nhà Triệu làm một triều đại chính thống. Các sử thần thời Lê, kế tục phương pháp và quan điểm Lê Văn Hưu ở đời Trần (quan niệm lịch sử phản dân tộc) không thấy rằng Triệu Đà làm vua nước Nam Việt ở miền Quảng Đông, Quảng Tây, đối với nước Âu Lạc mà nghĩ xâm lược, chỉ là một tên giặc cướp nước chứ không phải là một đế vương chính thống. Mãi đến cuối đời Lê mới thấy có một nhà sử học là Ngô Thì Sĩ, tác giả sách Việt sử tiêu án, phản đối việc cho họ Triệu tiếp nối quốc thống của An Dương Vương. Có lẽ do ảnh hưởng của ý kiến ấy cho nên sách Khâm định Việt sử thông giám cương mục của triều Nguyễn không chép riêng nhà Triệu làm một kỷ chính thống nữa, nhưng vẫn cứ chép cả lịch sử nhà Triệu vào phạm vi quốc sử của ta. Các nhà sử học tư sản của ta cũng chịu ảnh hưởng của quan điểm phản dân tộc ấy, cho nên Việt Nam sử lược của Trần Trọng Kim cũng chép kĩ càng về lịch sử nhà Triệu, và Những trang sử vẻ vang của Nguyễn Lân thì biểu dương Lữ Gia là trung thần của nhà Triệu làm vị anh hùng dân tộc đầu tiên của chúng ta. Đối với dân tộc ta thì Triệu Đà là giặc cướp nước, mà lịch sử của nhà Triệu ở nước Nam Việt không thể nằm trong phạm vi lịch sử Việt Nam^[2].

Cổ giáo sư Đào Duy Anh là ông thầy uyên bác của đa số các nhà sử học có tiếng Việt Nam hiện nay, nhóm người mê tín thuyết bản địa của văn hóa và văn minh Việt Nam. Nhưng trở trêu, những tác phẩm nghiên cứu lịch sử quan trọng nhất trong sự nghiệp của ông Đào, lại khẳng định người Việt “có thể” di cư bằng thuyền đến đồng bằng sông Hồng sau khi nước Việt của Câu Tiễn bị xóa sổ thời Chiến quốc^[3]! Lời lẽ nặng nề của Đào Duy Anh ở trên, xét cho cùng mang khẩu khí chính trị nhiều hơn là tinh thần nghiên cứu trung thực, khách quan vốn luôn hiện hữu ở nhiều công trình mang tên ông.

3. Lời bình

Trong “Một cách tiếp cận những vấn đề cổ sử Việt Nam” tôi đã đưa ra giả thuyết mới về ngữ nghĩa của từ Âu Lạc. Thật may mắn, khi dùng giả định Âu Lạc = Đất nước = Non nước = Xứ sở trên chủ đề Nam Việt này thì mâu thuẫn của các nhà sử học Việt Nam phần nào sáng tỏ.

Quả tình, thuật ngữ Âu Lạc nếu không phải là tên của vương quốc do An Dương Vương lập ra, thì nó sẽ thống nhất một vùng đất rộng lớn là Quảng Tây, Quảng Đông và Bắc bộ Việt Nam thành một lãnh thổ khá tương đồng về văn hóa. Như vậy, nếu nhìn nhận cương giới của người dân Việt trước thời Triệu Đà gồm Quảng Đông, Quảng Tây và Bắc Bộ Việt Nam thì việc Nhà Triệu tiếp nối An Dương Vương như một triều đại chính thống là hợp lí. Bản thân An Dương Vương cũng đã “cướp nước” của

các vua Hùng kia mà! Nếu đã loại Triệu Đà, nên chẳng loại luôn An Dương Vương, cùng xếp họ vào kỷ nội thuộc.

Rõ ràng cái gọi là “quan niệm lịch sử phản dân tộc” của cố Giáo sư Đào Duy Anh rất khiên cưỡng và khó đứng vững.

Nước Nam Việt cùng năm đời Việt Vương là một hiện hữu lịch sử không thể phủ nhận và có liên quan hữu cơ với lịch sử Việt Nam. Tài liệu xưa nhất đã nhắc đến nó và gần như cùng thời với nó là Sử ký của Tư Mã Thiên. Tuy nhiên do đặc điểm quá cô đặc, gầy gò của cổ văn Trung Hoa mà hiện hữu ấy không ngừng được tranh cãi, mổ xẻ, suy luận theo những chiều hướng nhiều khi mâu thuẫn đến hoàn toàn trái ngược.

Về phía Việt Nam, nước Nam Việt của Triệu Đà trong những trang sách còn phải ngụp lặn giữa quá trình tiến hóa nhận thức, xã hội và chính trị không ngừng của con người Việt Nam hàng ngàn năm qua. Giả sử nếu mai này thuyết các vua Hùng từng xuất phát từ hồ Động Đình rồi di cư xuống đồng bằng sông Hồng qua Quảng Tây được chấp nhận rộng rãi, thì việc tái chấp nhận Triệu Đà như một vương triều phong kiến chính thống lại sẽ được đặt ra.

Nói cho cùng, càng nhiều suy biện, càng nhiều giả thuyết, càng nhiều nỗ lực cày xới trên những bình nguyên quá khứ mang tên lịch sử, chẳng qua cũng là việc phải làm vì sự phát triển sử học mà thôi. Không bao giờ nên để các trang sử bất biến. Tính tức là tử. Không chỉ có ngày hôm qua là đối tượng nghiên cứu của lịch sử, mà bản thân khoa học lịch sử cũng rất cần phân luận, bởi nó là gương mặt, là tư duy, là trình độ phát triển, là thước đo vận động (tiến hoặc lùi) của chính thời đại dung dưỡng nó.

Thung lũng Đa Thiện, Đà Lạt 12.2005

Chú thích:

^[1]Keith W. Taylor, “Quyền uy và tính chân chính ở Việt Nam thế kỉ thứ 11”, NXB Trẻ, 2001.

^[2]Đào Duy Anh, Lịch sử cổ đại Việt Nam, tr. 93-94, NXB Văn hóa–Thông tin, 2005.

^[3]Xem sđd